

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 514/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định đến năm 2040**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014 ngày 19 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định đến năm 2040”, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch:

Diện tích khoảng 14.308 ha, gồm:

- Phần hiện hữu: trên bán đảo Phương Mai có diện tích khoảng 12.000 ha, trên địa giới hành chính của phường Hải Cảng và các xã Nhơn Hội, Nhơn Lý, Nhơn Hải thuộc thành phố Quy Nhơn; các xã Cát Tiến, Cát Hải, Cát Chánh thuộc huyện Phù Cát; các xã Phước Hòa, Phước Sơn thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; có giới hạn địa lý phía Bắc giáp Núi Bà, xã Cát Hải, huyện Phù Cát; phía Đông và Nam giáp Biển Đông; phía Tây giáp Đàm Thị Nại;

- Phần mở rộng: trên địa giới hành chính xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định có diện tích khoảng 2.308 ha; có giới hạn địa lý phía Bắc, phía Tây và phía Nam giáp đất đồi núi huyện Vân Canh; phía Đông giáp khu dân cư hiện hữu xã Canh Vinh;

2. Tính chất chức năng:

- Là khu kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực, với trọng tâm phát triển là du lịch, dịch vụ, đô thị, công nghiệp, cảng biển, năng lượng tái tạo và thủy sản;
- Là cực tăng trưởng đối trọng, liên kết chặt chẽ và toàn diện với sự phát triển chung của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận;
- Là một trong những trung tâm phát triển chính của Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung, đầu mối thông thương, giao lưu quốc tế quan trọng của Miền Trung và Tây Nguyên;
- Là khu vực có tầm quan trọng về an ninh quốc phòng.

3. Dự báo dân số và nhu cầu sử dụng đất đai:

- Đến năm 2030, tổng dân số khoảng 120.000 - 140.000 người; nhu cầu sử dụng quỹ đất xây dựng khoảng 8.461 ha;
- Đến năm 2040, tổng dân số khoảng 200.000 - 250.000 người; nhu cầu sử dụng quỹ đất xây dựng khoảng 10.746 ha.

4. Định hướng phát triển không gian:

a) Mô hình, định hướng phát triển:

Tổ chức không gian Khu kinh tế trên cơ sở phối hợp bốn không gian cơ bản sau:

- Không gian cảnh quan - dự trữ sinh thái: Bảo vệ không gian cảnh quan các dãy núi Vân Canh, Phương Mai, Núi Bà; bảo vệ giá trị cảnh quan và đa dạng sinh học của hệ sinh thái đầm Thị Nại và lân cận, trong đó quan tâm bảo tồn khu vực Cồn Chim; phát triển các cơ sở năng lượng tái tạo tại các vị trí có tiềm năng ở bán đảo Phương Mai, trên nguyên tắc bảo vệ tối đa tài nguyên thiên nhiên hiện hữu; bảo vệ và khai thác hợp lý dải không gian ven biển theo các quy định của pháp luật về tài nguyên môi trường biển và hải đảo;

- Không gian phát triển công nghiệp: Định hướng phát triển công nghiệp tại bán đảo Phương Mai là công nghiệp sạch, với hàm lượng công nghệ cao, nghiên cứu phát triển, khởi nghiệp sáng tạo. Khu công nghiệp Becamex - Bình Định là khu chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp sản xuất hàng điện tử và vật liệu xây điện; công nghiệp dệt, may, da, may mặc xuất khẩu;

- Không gian phát triển du lịch: Phát triển các khu du lịch dọc bờ biển phía Đông, điểm dịch vụ du lịch sinh thái ven Đầm Thị Nại và Vịnh Mai Hương; phát triển sản phẩm du lịch theo đặc trưng thể mạnh của từng địa điểm tại Tân Thanh - Vĩnh Hội, Eo Gió, Kỳ Co, Phương Mai, Núi Bà, Nhơn Hải, Hòn Khô, Hải Minh...

- Không gian phát triển đô thị - nông thôn: Hình thành và phát triển năm khu đô thị mới gồm: Khu đô thị Cát Tiến, Khu đô thị Nhơn Hội, Khu đô thị Mai Hương, Khu đô thị Becamex A, Khu đô thị Becamex B. Cải tạo và sắp xếp dân cư tại chỗ đối với ba cụm dân cư nông thôn hiện hữu: cụm dân cư xã Cát Hải, cụm dân cư xã Nhơn Hải, cụm dân cư vùng bán ngập Đầm Thị Nại.

b) Phân khu chức năng:

Khu kinh tế được chia thành tám phân khu chức năng, trong đó Phân khu 01 - 06 nằm tại Phần hiện hữu và phân khu 07, 08 nằm tại Phần mở rộng, với định hướng phát triển chủ yếu như sau:

- Phân khu 01 - Khu đô thị, du lịch Tân Thanh, Vĩnh Hội: Là khu đô thị - du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, phát triển các khu dân cư sinh thái, khu du lịch - dịch vụ với mật độ thấp, gắn với bảo vệ các giá trị tự nhiên hiện hữu hai thung lũng núi hướng biển có bãi tắm đẹp; dân số dự kiến khoảng 23.000 người; diện tích đất tự nhiên khoảng 1.164 ha; diện tích đất xây dựng các khu chức năng khoảng 969 ha; mật độ dân cư từ 50 - 70 người/ha;

- Phân khu 02 - Khu đô thị cửa ngõ Cát Tiến: Là khu đô thị cửa ngõ phía Bắc, phát triển đô thị, du lịch - dịch vụ với mật độ trung bình; khai thác tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo; bảo tồn vành đai thiên nhiên ngăn gió bão biển; dân số dự kiến khoảng 49.100 người; diện tích đất tự nhiên khoảng 1.606 ha; diện tích đất xây dựng các khu chức năng khoảng 1.305 ha; mật độ dân cư từ 60 - 80 người/ha;

- Phân khu 03 - Khu đô thị du lịch Nhơn Hội: Là khu đô thị dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng biển, trung tâm vui chơi giải trí lớn; phát triển với mật độ trung bình; cung cấp cơ sở đào tạo nghề, bệnh viện phục vụ toàn bán đảo; khai thác tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo; đồng thời bảo tồn vành đai thiên nhiên ngăn gió bão từ biển; bảo tồn, khai thác các giá trị cảnh quan đặc hữu như: Eo Gió, Kỳ Co, tuyến du lịch quốc gia Phương Mai - Núi Bà; dân số dự kiến khoảng 78.300 người; diện tích đất tự nhiên khoảng 2.199 ha; diện tích đất xây dựng các khu chức năng khoảng 2.005 ha, mật độ dân cư từ 60 - 80 người/ha;

- Phân khu 04 - Khu công nghiệp đô thị Nhơn Hội: Phát triển khu công nghiệp Nhơn Hội, khu cảng biển Nhơn Hội; khu đô thị Mai Hương trở thành trung tâm đô thị - thương mại - dịch vụ hỗn hợp phục vụ toàn bán đảo; bảo tồn Vịnh Mai Hương; phát triển các khu dịch vụ, vui chơi giải trí, không gian thưởng ngoạn, bến du lịch ven bờ Vịnh; phát triển năng lượng tái tạo gắn với bảo tồn cảnh quan sinh thái trên dãy núi Phương Mai; dân số dự kiến khoảng 29.100 người; diện tích đất tự nhiên khoảng 3.521 ha; diện tích đất xây dựng các khu chức năng khoảng 2.772 ha; mật độ dân cư từ 40 - 60 người/ha;

- Phân khu 05 - Khu đô thị du lịch Phương Mai: Là khu đô thị - du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp; phát triển các khu dân cư sinh thái, khu du lịch với mật độ thấp; khai thác tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo và bảo vệ các giá trị tự nhiên hiện hữu của vùng Nam bán đảo Phương Mai; dân số dự kiến khoảng 13.000 người; diện tích đất tự nhiên khoảng 1.512 ha; diện tích đất xây dựng các khu chức năng khoảng 1.335 ha; mật độ dân cư từ 20 - 40 người/ha;

- Phân khu 06 - Đầm Thị Nại: Là khu bảo tồn, gìn giữ hệ sinh thái đầm Thị Nại đặc sắc, phát triển các giải pháp bảo tồn như hồi sinh rừng ngập mặn, kiểm soát chặt chẽ dân số, hoạt động của các nguồn ô nhiễm; phát triển các mô hình du lịch bền vững; từng bước chuyển đổi nghề nuôi trồng thủy sản trên Đầm sang các mô hình sinh kế bền vững môi trường; dân số dự kiến khoảng 1.800 người; diện tích đất tự nhiên khoảng 1.998 ha; diện tích đất xây dựng các khu chức năng khoảng 306 ha; mật độ dân cư khoảng 20 - 40 người/ha;

- Phân khu 07 - Khu công nghiệp - đô thị Becamex A: Là tổ hợp công nghiệp, đô thị, dịch vụ, khai thác thế mạnh vị trí cửa ngõ phía Tây thành phố Quy Nhơn và phụ cận, đón đầu tuyến đường cao tốc Bắc Nam; phát triển với mật độ trung bình, bảo vệ giá trị tự nhiên của thung lũng sông Hà Thanh; dân số dự kiến khoảng 23.400 người; diện tích đất tự nhiên khoảng 1.425 ha; diện tích đất xây dựng các khu chức năng khoảng 1.390 ha; mật độ dân cư từ 60 - 80 người/ha;

- Phân khu 08 - Khu đô thị - dịch vụ Becamex B: Là khu đô thị dịch vụ thương mại, hình thành trong giai đoạn dài hạn, dân số dự kiến khoảng 32.300 người; diện tích đất tự nhiên khoảng 883 ha; diện tích đất xây dựng các khu chức năng khoảng 662 ha; mật độ dân cư từ 50 - 70 người/ha.

c) Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Hệ thống công trình hành chính: xây mới khu trung tâm hành chính Khu kinh tế, quy mô khoảng 11 ha;

- Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo: xây mới khu trung tâm đào tạo nghề, quy mô khoảng 19 ha; xây mới hệ thống trường trung học phổ thông tại các khu đô thị; nâng cấp, mở rộng, chỉnh trang mạng lưới giáo dục cấp cơ sở;

- Hệ thống công trình y tế, chăm sóc sức khỏe: xây mới Bệnh viện đa khoa, quy mô khoảng 10 ha; xây mới các cơ sở khám chữa bệnh tại các khu đô thị; khuyến khích phát triển và quản lý hệ thống y tế tư nhân đạt chuẩn;

- Hệ thống công trình văn hóa: xây mới khu Trung tâm văn hóa nghệ thuật biểu diễn, quy mô khoảng 5 ha; xây mới mạng lưới nhà văn hóa, các câu lạc bộ, thư viện tại các khu đô thị;

- Hệ thống công trình thể dục thể thao: xây mới khu trung tâm thể dục thể thao, quy mô khoảng 8 ha; xây mới các công trình luyện tập thể thao cấp đô thị tại các khu đô thị;

- Hệ thống công viên đô thị: khuyến khích phát triển các công viên chuyên đề phục vụ du lịch; xây dựng công viên vui chơi giải trí tại các khu đô thị, bố trí đủ quỹ đất và vị trí thuận lợi để phát triển hệ thống cây xanh, vườn hoa đô thị; liên kết chia sẻ chức năng linh hoạt giữa các hệ thống cây xanh và các khu vực cây xanh, mặt nước dự trữ;

- Hệ thống thương mại dịch vụ: Tạo điều kiện phát triển dịch vụ phân phối lưu thông tại cảng Nhơn Hội xứng tầm một trung tâm dịch vụ logistics của Miền Trung; tập trung phát triển các khu trung tâm hỗn hợp trong các khu đô thị mới, đặc biệt ở khu đô thị Mai Hương; phát triển mạng lưới trung tâm thương mại gắn với mạng lưới giao thông công cộng.

5. Định hướng sử dụng đất:

Tổng diện tích tự nhiên Khu kinh tế là 14.308 ha.

a) Đến năm 2030:

- Đất xây dựng các khu đô thị - khu dân cư nông thôn: khoảng 2.529 ha, chiếm 17,7%;

- Đất xây dựng các khu công nghiệp: 1.175 ha, chiếm 8,2%;

- Đất phát triển năng lượng tái tạo: khoảng 755 ha, chiếm 5,3%;

- Đất các khu du lịch, dịch vụ, hỗn hợp: khoảng 1.387 ha, chiếm 9,7%;

- Đất công viên chuyên đề: khoảng 698 ha, chiếm 4,9%;

- Đất cây xanh sinh thái, cách ly: khoảng 1.066 ha, chiếm 7,5%;

- Đất khu cảng bến bãi: khoảng 92 ha, chiếm 0,6%;

- Đất công trình đầu mối hạ tầng, kỹ thuật: khoảng 49 ha, chiếm 0,3%;

- Đất giao thông đối ngoại, liên khu vực: khoảng 262 ha, chiếm 1,8%;

- Đất chưa xây dựng bao gồm mặt nước nuôi trồng thủy sản, bãi biển, nghĩa trang, nông nghiệp và đồi núi chưa sử dụng: khoảng 6.295 ha, chiếm 44,0%.

b) Đến năm 2040:

- Đất xây dựng các khu đô thị - khu dân cư nông thôn: 3.361 ha, chiếm 23,5%;

- Đất xây dựng các khu công nghiệp: 1.743 ha, chiếm 12,2%;

- Đất phát triển năng lượng tái tạo: khoảng 995 ha, chiếm 7,0%.

- Đất các khu du lịch, dịch vụ, hỗn hợp: khoảng 1.470 ha, chiếm 10,3%;
- Đất công viên chuyên đề: khoảng 728 ha, chiếm 5,1%;
- Đất cây xanh sinh thái, cách ly: khoảng 1.930 ha, chiếm 13,5%;
- Đất khu cảng bến bãi: khoảng 92 ha, chiếm 0,6%;
- Đất công trình đầu mối hạ tầng, kỹ thuật: khoảng 49 ha, chiếm 0,3%;
- Đất giao thông đối ngoại, liên khu vực: khoảng 378 ha, chiếm 2,6%;
- Đất chưa xây dựng bao gồm mặt nước nuôi trồng thủy sản, bãi biển, nghĩa trang, nông nghiệp và đồi núi chưa sử dụng: khoảng 3.562 ha, chiếm 24,9%.

6. Định hướng kiến trúc, cảnh quan:

a) Hệ thống các trung tâm hoạt động và khu vực cửa ngõ:

- Hệ thống trung tâm hoạt động gồm ba cấp: Khu trung tâm đô thị hỗn hợp là lõi hoạt động của các đô thị Cát Tiến, đô thị Nhơn Hội, đô thị Mai Hương, Becamex A và B; cụm trung tâm dịch vụ hỗn hợp là các quần thể công trình cung cấp dịch vụ cho các khu du lịch Tân Thanh, Vĩnh Hội, Trung Hội, Nhơn Lý, Kỳ Co, Eo Vược, Nhơn Hải, Hòn Khô, Hải Minh, Vịnh Mai Hương. Điểm trung tâm dịch vụ hỗn hợp: là các công trình đa năng hoặc không gian công cộng trọng điểm như Bến du thuyền phía Bắc, Bến du thuyền trung tâm, Bến du thuyền phía Nam... cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái ven Đầm Thị Nại;

- Các khu vực cửa ngõ gồm bốn trung tâm hoạt động: Phía Nam là khu trung tâm đô thị thương mại dịch vụ Mai Hương; phía Bắc là Khu trung tâm đô thị Cát Tiến; phía Tây là Khu trung tâm đô thị Becamex A; phía Đông là Cảng Nhơn Hội - Bến du thuyền Mai Hương;

- Các trung tâm hoạt động khác nhau về quy mô nhưng tương đồng về nguyên tắc tổ chức không gian, như: tạo dựng được khu phố dịch vụ sống động, hấp dẫn các doanh nghiệp về thương mại dịch vụ, là đầu mối hệ thống giao thông công cộng, có khả năng đáp ứng nhiều loại công trình khác nhau, cấu trúc đô thị linh hoạt theo nhu cầu thay đổi của thị trường; có sự kết hợp đa dạng, hỗn hợp chức năng công trình.

b) Các trục không gian chính:

- Các trục cảnh quan chính gồm: Trục lõi bán đảo Phương Mai (Quốc lộ 19B) đoạn qua các đô thị Cát Tiến, Nhơn Hội và Mai Hương; trục ven biển đoạn qua từ Đèo Tân Thanh đến Eo Gió; trục ven Đầm Thị Nại đoạn qua các đô thị Cát Tiến, Nhơn Hội và Mai Hương; trục tiếp cận bán đảo Phương Mai gồm cầu Thị Nại 1, cầu Thị Nại 2 và bắc Thị Nại; trục cảnh quan sông Hà Thanh;

- Nguyên tắc tổ chức không gian các tuyến trục chính như sau:

+ Khung cảnh của tầm nhìn từ các địa điểm công cộng tới các thắng cảnh được xác định và xây dựng quy tắc gìn giữ và phải được phục hồi nếu bị xâm hại bởi việc xây dựng các công trình có vị trí hoặc khối tích không phù hợp; gồm 5 tầm nhìn sau: từ đầu cầu Thị Nại đến đỉnh núi Phương Mai; từ nút giao trung tâm đô thị Cát Tiến đến quảng trường biển Nhơn Hội; từ nút giao trung tâm đô thị Mai Hương đến quảng trường Vịnh Mai Hương; từ mũi Cảng Quy Nhơn đến mũi cảng Nhơn Hội; từ mũi Vịnh Quy Nhơn đến Tượng đài Trần Hưng Đạo;

+ Bố trí đường phố hoặc đường dạo bộ, đảm bảo quyền tiếp cận công cộng tới tất cả các không gian mở như cồn cát, bãi biển và bờ biển;

+ Cảnh quan của các tuyến, đoạn theo chủ đề văn hóa, thương mại, bờ biển, sinh thái đầm... cần được triển khai thiết kế cụ thể để định hướng xây dựng, đảm bảo phù hợp với tính chất của tuyến và các quy phạm hiện hành.

c) Quản lý chiều cao và mật độ xây dựng công trình:

- Quản lý theo các chỉ số khống chế xây dựng (hệ số sử dụng đất tối đa) gắn với loại hình sử dụng đất; theo chỉ dẫn thiết kế đô thị và quy phạm hiện hành;

- Quản lý không gian ven biển phù hợp với các quy định pháp luật về Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Quản lý không gian ven Đầm Thị Nại đảm bảo khoảng đệm không xây dựng ven mặt nước có chiều rộng tối thiểu là 30 m;

- Khống chế chiều cao, mật độ xây dựng các công trình ven biển, đầm, vịnh, sông, hồ, trên nguyên tắc không tạo ra ấn tượng quá lớn về khối tích xây dựng trong cảm nhận thị giác của người đi dạo ven mặt nước; giữ khoảng cách hợp lý giữa các khối xây dựng để tối ưu hóa tầm nhìn và vi khí hậu cho các công trình lớp sau.

7. Định hướng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Định hướng hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường bộ: Xây dựng mới tuyến vành đai kết nối với tuyến cao tốc Bắc Nam với quy mô 4-6 làn xe, đạt tiêu chuẩn đường cấp II - III đồng bằng. Hoàn thiện đường trục Khu kinh tế nối dài kết nối với Quốc lộ 1 và sân bay Phù Cát, quy mô 6-8 làn xe, lộ giới quản lý rộng 60m. Nâng cấp tuyến Quốc

lộ 19C đoạn đi qua khu công nghiệp đô thị Becamax đạt tiêu chuẩn cấp III, IV, quy mô 2 làn xe và tuyến đường ĐT 639 tối thiểu đạt cấp III đồng bằng. Đoạn đi qua khu vực dự kiến phát triển đô thị được xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị. Xây mới cầu Thị Nại 2 song song về phía Bắc của cầu Thị Nại 1, xây mới cầu Bắc Thị Nại nối Đường ĐT 640 với đường trục chính của bán đảo Phương Mai; Xây dựng mới 01 cầu qua sông Hà Thanh kết nối Khu công nghiệp đô thị Becamex với Khu đô thị mới Becamax (Canh Vinh).

+ Giao thông đường thủy: Khu bến Nhơn Hội thuộc cảng biển Quy Nhơn có chức năng chuyên dùng, phục vụ trực tiếp cơ sở công nghiệp, dịch vụ, khả năng tiếp nhận tàu tải trọng đến 10.000 - 50.000 DWT, việc đầu tư xây dựng khu bến cảng theo quy hoạch chi tiết do Bộ Giao thông vận tải quy định; xây mới bến du lịch Mai Hương có năng lực tiếp nhận tàu khách quốc tế sức chở đến 4.000 hành khách. Xây dựng mới các bến du thuyền Bắc Thị Nại tại Cát Tiến, khu vực bến neo đậu tàu thuyền nghề cá, khu vực cảng Nhơn Hội, Tân Thanh - Vĩnh Hội tại mỏm núi Bà vươn ra biển, tại Eo Gió - Nhơn Lý ở đầu núi Cẩm, bến Nhơn Hải nâng cấp từ điểm neo đậu tàu thuyền thôn Nhơn Hải..

- Giao thông đối nội:

+ Xây dựng mới tuyến đường trục chính phía Tây bán đảo Phương Mai với một số đoạn trùng đường ĐT 639, lộ giới 45 - 65 m. Xây dựng mới tuyến đường cảng Nhơn Hội - Khu đô thị Phương Mai, đáp ứng nhu cầu vận tải đô thị, vận tải hàng hóa, mặt cắt ngang rộng 65 m. Hoàn thiện tuyến đường trục chính của Khu kinh tế (QL19B) với lộ giới 80 - 65 m và tuyến đường nối đi sân bay Phù Cát, đoạn đi qua đô thị Cát Tiến, lộ giới 60 m, quy mô 6 - 8 làn xe. Nâng cấp tuyến đường trục chính men cạnh phía đông Vịnh Mai Hương đến trung tâm Phân khu 05, lộ giới 20 - 30 m. Hoàn thiện các tuyến đường khu vực trong Khu công nghiệp Nhơn Hội, lộ giới 45 - 65 m. Xây dựng mới các tuyến đường chính, lộ giới 27 - 45 m và các tuyến đường khu vực lộ giới 17 - 25 m.

+ Công trình đầu mối giao thông: Xây mới bến xe khách phía Bắc khoảng 2 ha tại đô thị Cát Tiến. Xây mới Bến xe tải phía Tây khoảng 4 ha đặt tại đô thị mới Becamax (Canh Vinh). Xây mới Bến xe hỗn hợp phía Nam (khoảng 4 ha) gần đầu cầu Thị Nại;

+ Giao thông công cộng: Hình thành các tuyến xe buýt liên vùng, vận chuyển hành khách giữa Sân bay Phù Cát - Cảng Nhơn Hội - khu công nghiệp Becamex, qua trung tâm thành phố Quy Nhơn. Hình thành tuyến xe buýt trên bán đảo Phương Mai, nối giữa Bến xe phía Bắc và Bến xe Phía Nam.

b) Định hướng cao độ nền và thoát nước mặt:

- Cao độ nền khu vực hiện hữu (Bán đảo Phương Mai): Cao độ xây dựng dân dụng $H_{xd} \geq 3,0$ m. Cao độ xây dựng công nghiệp $H_{xd} \geq 3,5$ m. Khu du lịch sinh thái Đầm Thị Nại $H_{xd} \geq 2,5$ m. Cao độ xây dựng ven biển $H_{xd} \geq 3,86$ m.

- Cao độ nền khu vực mở rộng: Cao độ xây dựng Khu công nghiệp - đô thị Becamex A $H_{xd} \geq 18,5$ m và Cao độ xây dựng khu đô thị - dịch vụ Becamex B $H_{xd} \geq 12,5$ m;

- Sử dụng công thoát nước riêng với các khu vực phát triển mới. Các khu vực dân cư hiện trạng sử dụng thoát nước nửa riêng;

- Bán đảo Phương Mai chia thành 2 lưu vực chính. Lưu vực 1 nằm về phía Đông thoát trực tiếp ra Biển, Lưu vực 2 nằm về phía Tây thoát nước trực tiếp ra Đầm Thị Nại. Khu vực Canh Vinh, nước thoát trực tiếp ra sông Hà Thanh. Định kỳ nạo vét lòng sông suối và kè chắn các khu vực nguy cơ sạt lở.

c) Định hướng cấp nước:

- Dự báo nhu cầu cấp nước đến năm 2030 khoảng 72.000 m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 120.000 m³/ngày đêm;

- Sử dụng nguồn nước mặt sông Hà Thanh và Đại An (nhánh sông Côn);

- Xây dựng mới nhà máy nước Nhơn Hội, công suất 50.000 m³/ngày đêm năm 2030), 80.000 m³/ngày đêm năm 2040. Trạm bơm lấy nước thô từ sông Đại An đặt tại thượng lưu đập Văn Mối. Xây dựng mới nhà máy nước Văn Canh công suất 15.000 m³/ngày đêm năm 2030, 40.000 m³/ngày đêm năm 2040;

- Xây dựng mới tuyến cấp nước thô từ sông Đại An đến nhà máy nước tại khu đô thị Nhơn Hội, kích thước 2D800 và đường ống cấp nước chính với kích thước từ D150 - D500;

- Đảm bảo khoảng cách ly bảo vệ nguồn nước tại các điểm lấy nước trên sông Đại An, sông Hà Thanh; nhà máy nước Cát Tiến, nhà máy nước Nhơn Hội; máy nước Becamex và các trạm tăng áp.

d) Định hướng cấp điện:

- Dự báo nhu cầu dùng điện đến năm 2030 khoảng 547.025 kVA và đến năm 2040 khoảng 600.254 kVA;

- Sử dụng nguồn điện từ điện lưới quốc gia thông qua các trạm: 220 kV Quy Nhơn công suất 2x250 MVA; 220 kV Nhơn Hội công suất 2x250 MVA; năng lượng tái tạo Phương Mai 1 công suất 30 MW; năng lượng tái tạo Phương Mai 3 công suất 21 MW; năng lượng tái tạo Fujiwara công suất 50 MW; năng lượng tái tạo Seoul công suất 60,0 MW;

- Xây mới tuyến 220 kV mạch kép Quy Nhơn - Nhơn Hội, tiết diện dây dẫn ACSR-400, cấp điện cho trạm 220 kV Nhơn Hội;

- Nâng cấp trạm 110 kV Nhơn Hội, công suất 2x63 MVA, trạm nguồn cấp điện một cho khu công nghiệp Nhơn Hội;

- Xây mới 4 trạm 110 kV: Nhơn Hội 2: 2x63 MVA; Nhơn Hội 3: 2x63 MVA; Nối cấp Nhơn Hội: 2x63 MVA; Vân Canh: 2x63 MVA;

- Cải tạo, nâng cấp tuyến 22 kV hiện hữu, tại các khu đô thị sử dụng lưới điện trung thế, cấp ngầm đảm bảo mỹ quan đô thị, tiết diện dây dẫn XLPE-240 và khu công nghiệp, khu vực đồi núi sử dụng cáp bọc nổi trên cột bê tông ly tâm.

đ) Định hướng thông tin liên lạc:

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông;

- Ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu dân cư hiện hữu;

- Sử dụng 3 trạm Host (VNPT và Viettel) và các trạm vệ tinh hiện có, trên cơ sở nâng cấp công nghệ thế hệ mới nhằm đáp ứng nhu cầu khoảng 120.000 lines đến 150.000 lines; tương ứng với khoảng 6 điểm cung cấp tín hiệu (với modul máy từ 5.000 lines đến 20.000 lines);

- Nâng cấp và tăng dung lượng đường truyền các tuyến dẫn: Quy Nhơn - Nhơn Hội - Cát Tiến và tuyến Phước Sơn - Chợ Dinh, Cát Tiến - Đê Gi - Chợ Gành, Phù Cát - Cát Lâm.

e) Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

Tổng nhu cầu thoát nước thải sinh hoạt và công nghiệp đến năm 2030 là 51.800 m³/ngày đêm; đến năm 2040 là 85.400 m³/ngày đêm. Hệ thống thoát và xử lý nước thải được xây dựng theo phân khu và mở rộng theo từng giai đoạn:

- Phân khu 01 xây dựng 2 trạm: Trạm Tân Thanh công suất 1.500 m³/ngày đêm năm 2030 và 2.500 m³/ngày đêm năm 2040; trạm Vĩnh Hội công suất 1.000 m³/ngày đêm năm 2030 và 1.500 m³/ngày đêm năm 2040;

- Phân khu 02 xây dựng 1 trạm công suất 6.000 m³/ngày đêm năm 2030 và 9.500 m³/ngày đêm năm 2040;

- Phân khu 03 xây dựng 4 trạm: Trạm FLC công suất 1.500 m³/ngày đêm năm 2030, 3.000 m³/ngày đêm năm 2040; trạm Nhơn Lý công suất 1.000 m³/ngày đêm năm 2030, 1.500 m³/ngày đêm năm 2040, trạm Nhơn Hội công suất 6.000 m³/ngày đêm (năm 2030), 10.000 m³/ngày đêm năm 2040, trạm Kỳ Co công suất 1.500 m³/ngày đêm.

- Phân khu 04 xây dựng 1 trạm Mai Hương công suất 5.000 m³/ngày đêm năm 2030, 9.000 m³/ngày đêm năm 2040;

- Phân khu 05 xây dựng 2 trạm: Trạm Nhơn Hải công suất 1.000 m³/ngày đêm; Trạm Hải Giang công suất 1.000 m³/ngày đêm;

- Phân khu 06, nước thải được xử lý cục bộ một phần, một phần được đầu nối với đường ống thu gom nước thải các phân khu bên cạnh;

- Phân khu 07 và 08 xây dựng 1 trạm chung Becamex công suất 2.500 m³/ngày đêm năm 2030, 9.500 m³/ngày đêm năm 2040;

- Nâng cấp Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Nhơn Hội lên 16.000 m³/ngày đêm và xây dựng mới trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Becamex công suất 20.500 m³/ngày đêm;

- Dự báo tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp đến năm 2030 khoảng 547,0 tấn/ngày đêm và đến năm 2040 khoảng 874,0 tấn/ngày đêm. Chất thải rắn sinh hoạt khu vực bán đảo Phương Mai được thu gom, vận chuyển đến Khu xử lý chất thải rắn xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, quy mô 70 ha. Chất thải rắn sinh hoạt Phân khu 07, 08 được vận chuyển đến Khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ, tại xã Phước Mỹ, quy mô 62 ha. Rác thải công nghiệp và nguy hại được vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn xã Cát Nhơn.

- Xây mới 2 trạm trung chuyển chất thải rắn quy mô 500 m² phía Bắc và phía Nam bán đảo Phương Mai;

- Nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang khoảng 11 ha. Tại bán đảo Phương Mai, chôn cất đưa về nghĩa trang tập trung Cát Nhơn - Cát Hưng (45 ha). Tại khu Phân khu 07, 08, chôn cất đưa về nghĩa trang Long Mỹ (30 ha). Các nghĩa trang rải rác sẽ được khoanh vùng, ngừng mở rộng, đến khi lấp đầy thì chính trang thành công viên nghĩa trang.

g) Định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu:

- Đối với từng khu vực môi trường:

+ Khu vực Đầm Thị Nại: Giữ gìn và bảo vệ giá trị tự nhiên, tăng cường diện tích cây xanh, duy trì đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng nước;

+ Khu vực phát triển đô thị: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa;

+ Khu công nghiệp và phát triển năng lượng tái tạo: Đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Khu vực nông thôn: Đầu tư hệ thống thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; xây dựng hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; quy hoạch các khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp.

- Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu:

Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt; xây dựng đồng bộ và kiên cố hóa đường ven đê đồng, ven sông Hà Thanh.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Các dự án đầu tư từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ: Hoàn thiện tuyến đường Phù Cát - Nhơn Hội; nâng cấp tuyến quốc lộ 19C;

- Các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác: Ổn định các khu dân cư phòng tránh lụt bão, giảm nhẹ thiên tai; hoàn thiện hệ thống nghĩa trang theo quy hoạch; hoàn thiện đường kết nối từ quốc lộ 1 đi Khu công nghiệp Becamex; nâng cấp tuyến đường ven Đầm Thị Nại; nâng cấp các nút giao chính của Khu kinh tế;

- Các dự án đầu tư theo mô hình đối tác công tư: Xây dựng, khai thác các bến xe khách, xe buýt, bến tàu phục vụ du lịch; xây dựng cảng biển Nhơn Hội và hậu cần cảng; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới một số tuyến đường giao thông đô thị; các dự án nhà ở xã hội; các khu đô thị mới Mai Hương, Cát Tiến, Nhơn Hội, Becamex; các khu du lịch, dịch vụ thể thao mang tính đặc thù; các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo tư nhân; xây dựng và khai thác trung tâm du lịch biển, công viên vui chơi giải trí; nhà máy xử lý nước thải tại các khu vực mới phát triển theo công nghệ hiện đại.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tổ chức công bố công khai đề án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định đến năm 2040; ban hành Quy định quản lý theo đề án quy hoạch chung được phê duyệt; tổ chức rà soát và lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị cho các khu chức năng trong Khu kinh tế, đảm bảo đồng bộ, thống nhất làm cơ sở quản lý quy hoạch, triển khai các dự án đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Định;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KGVX, KTTH, QHĐP, NN, NC;
- Lưu: VT, CN (2b).



